

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,240 – 1,245 cả phiên sáng trước khi bật tăng trong phiên chiều và đóng cửa tại mốc 1,254.56 điểm, tăng hơn 9 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Du lịch và giải trí, Xây dựng và vật liệu,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp, thị trường vẫn chưa cho thấy dấu hiệu sẽ thoát khỏi vùng giao dịch 1,250 ± 10 điểm trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 01/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+9.24** điểm, đóng cửa tại **1254.56** điểm. HNX-Index **+0.97** điểm, đóng cửa tại **238.56** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+1.36)**, **MWG (+1.29)**, **VCB (+1.25)**, **BID (+0.92)**, **VRE (+0.84)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.67)**, **TCB (-0.59)**, **POW (-0.20)**, **LPB (-0.19)**, **BCM (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,857** tỷ đồng, giảm **-29.68%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,079 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.49 điểm. Thị trường có **276** mã tăng, **62** mã tham chiếu, **141** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-789.64** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-248.89 tỷ)**, **FUEVFNVD (-209.64 tỷ)**, **TCB (-91.47 tỷ)**, **VHM (-73.54 tỷ)**, **DGC (-64.57 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.05** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.85%**. Các mã diễn biến tích cực: **MWG (+5.45%)**, **CTG (+3.23%)**, **DGW (+2.78%)**.
- BSC50 **+1.21%**. Các mã diễn biến tích cực: **VRE (+6.85%)**, **TNG (+5.38%)**, **CSV (+3.95%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.85%	1.21%	0.74%	0.56%
1 tuần	-1.10%	-1.75%	-0.70%	-0.89%
1 tháng	-3.32%	-3.07%	-1.62%	-1.52%
3 tháng	5.39%	2.43%	1.95%	4.38%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,254.56	238.56	97.30
% 1D	0.74%	0.41%	-0.25%
GTGD (tỷ VND)	11,857	870	920
%1D	-29.68%	-30.23%	-33.33%
GDNN (tỷ VND)	-789.64	9.05	10.73

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	73.72	FPT	-248.89
VCI	38.84	FUEVFNVD	-209.64
HSG	21.14	TCB	-91.47
CMG	20.46	VHM	-73.54
VTP	16.77	DGC	-64.57

Thị trường thế giới

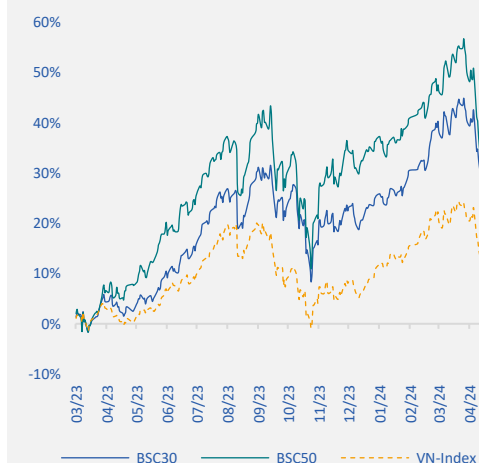
	%D	%W
SPX	-0.41%	-0.08%
FTSE100	0.20%	-1.22%
Eurostoxx	0.63%	-0.50%
Shanghai	2,995	0.92%
Nikkei	39,606	0.12%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	85.59	-0.95%
Giá vàng	2,338	0.43%
Tỷ giá		
USD/VND	25,464	-0.04%
EUR/VND	28,092	1.02%
JPY/VND	158	-0.13%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.07%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



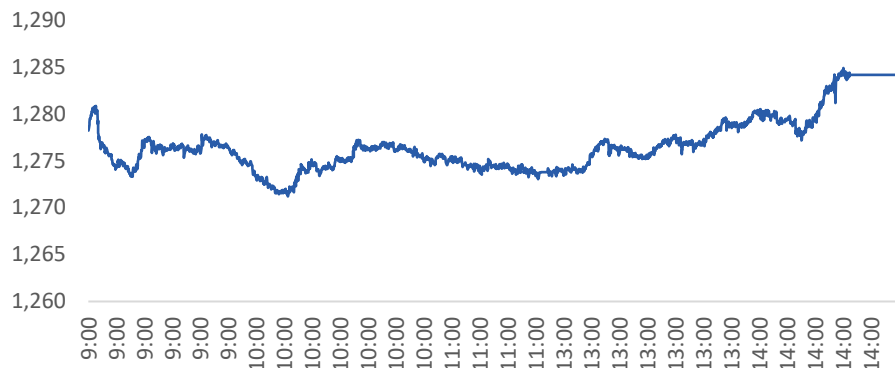
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1288.1	0.72%	115	1.77%	19/09/2024	80
VN30F2412	1291.9	0.94%	34	13.3%	19/12/2024	171
VN30F2407	1285	0.84%	180350	-22.86%	18/07/2024	17
VN30F2408	1286.2	0.87%	108	-57.81%	15/08/2024	45

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +7.16 điểm, đóng cửa tại 1285.48 điểm. Biên độ dao động 14.28 điểm. Các cổ phiếu như MWG, VPB, VRE, STB, MSN tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Thanh khoản thị trường nằm dưới MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2407, VN30F2408. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2402	21/05/2025	324	432,500	-68.52%	2.82	2,240	31.8%	9.41	8.93	28.35	28.35
CMWG2313	09/08/2024	39	1,756,200	-67.14%	5.00	2,770	25.3%	10.14	21.62	65.80	65.80
CMWG2316	23/08/2024	53	672,300	-65.17%	4.80	3,020	19.8%	10.17	22.92	65.80	65.80
CMWG2314	09/01/2025	192	1,093,300	-64.59%	5.20	1,810	13.1%	6.07	23.30	65.80	65.80
CMWG2318	22/07/2024	21	473,900	-58.42%	4.20	3,860	12.2%	10.27	27.36	65.80	65.80
CTCB2310	09/10/2024	100	795,900	-27.81%	3.39	1,670	3.7%	2.49	16.35	22.65	22.65
CMBB2315	09/01/2025	192	660,300	-69.49%	1.96	1,250	3.3%	5.25	6.85	22.45	22.45
CTCB2309	25/09/2024	86	34,100	-31.06%	3.39	4,200	2.9%	6.63	15.61	22.65	22.65
CMBB2318	23/09/2024	84	5,700	-66.18%	1.76	1,490	-0.7%	5.29	7.59	22.45	22.45
CHPG2342	21/11/2024	143	94,400	-62.81%	2.18	920	-1.1%	2.88	10.54	28.35	28.35
CACB2306	22/07/2024	21	375,900	-70.10%	1.85	2,090	-1.4%	8.71	7.12	23.80	23.80
CVIB2306	23/08/2024	53	5,400	-67.50%	1.61	2,800	-1.8%	10.39	6.89	21.20	21.20
CFPT2317	21/11/2024	143	340,000	-52.72%	10.10	3,380	-3.4%	7.91	60.80	128.60	128.60
CFPT2310	05/08/2024	35	1,500	-42.39%	8.45	8,300	-3.5%	15.20	74.08	128.60	128.60
CFPT2316	22/07/2024	21	35,000	-41.14%	8.20	6,750	-4.1%	12.04	75.70	128.60	128.60
CFPT2314	09/01/2025	192	476,100	-49.14%	10.00	5,540	-4.6%	11.88	65.40	128.60	128.60
CFPT2313	09/08/2024	39	131,100	-53.19%	10.00	5,020	-6.3%	11.87	60.20	128.60	128.60
CTCB2307	05/08/2024	35	27,200	-27.55%	3.30	3,380	-8.4%	4.99	16.41	22.65	22.65
CFPT2318	15/07/2024	14	200	-53.42%	9.90	6,250	-10.1%	14.84	59.90	128.60	128.60
CTCB2312	15/07/2024	14	500	-20.40%	3.16	5,110	-14.7%	6.70	18.03	22.65	22.65

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 01/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2311 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CMWG2313 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.68%.
- CTCB2312, CTCB2307, CTCB2310, CTCB2309, và CFPT2316 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CMWG2401, CFPT2318, CVNM2315, và CHPG2329 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	65.80	5.45%	4.36
VPB	19.00	1.88%	1.77
VRE	21.85	6.85%	1.41
STB	29.30	1.74%	1.00
MSN	76.00	1.74%	0.98

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	128.60	-1.46%	-2.11
TCB	22.65	-3.00%	-1.62
VJC	100.70	-0.79%	-0.25
POW	14.55	-2.35%	-0.17
SSI	33.90	-0.15%	-0.06

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	32.00	3.23%	1.36	5.37
MWG	65.80	5.45%	1.29	1.46
VCB	86.10	1.06%	1.25	5.59
BID	43.90	1.50%	0.92	5.70
VRE	21.85	6.85%	0.84	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	128.60	-1.46%	-0.67	1.46
TCB	22.65	-3.00%	-0.59	3.52
POW	14.55	-2.35%	-0.20	2.34
LPB	27.90	-1.06%	-0.19	2.56
BCM	63.10	-1.10%	-0.18	1.04

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	14.70	5.76%	0.41	0.68
MBS	31.80	2.25%	0.22	0.44
SHS	17.10	1.79%	0.18	0.81
PVI	57.50	1.77%	0.17	0.23
PVS	41.00	0.99%	0.14	0.48

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	10.10	-2.88%	-0.12	0.56
BAB	12.10	-0.82%	-0.06	0.90
VIT	20.00	-6.98%	-0.05	0.05
CDN	31.80	-2.15%	-0.05	0.10
HJS	33.30	-8.26%	-0.04	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTL	21.85	6.85%	0.00	0.02
VRE	21.85	6.85%	0.82	13.75
TV2	47.95	6.56%	0.05	0.80
SPM	11.50	6.48%	0.00	0.00
VDS	21.85	6.07%	0.08	2.32

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVC	32.10	-6.96%	-0.04	0.00
TNC	39.10	-6.90%	-0.01	0.00
VNG	9.31	-6.90%	-0.02	0.02
PMG	7.44	-6.77%	-0.01	0.00
ICT	14.50	-6.75%	-0.01	0.39

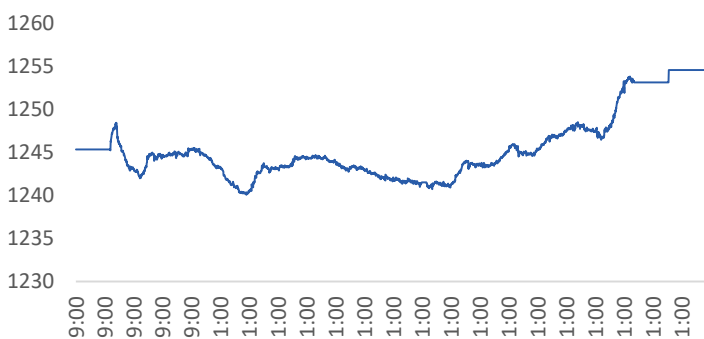
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGH	10.00	9.89%	0.02	0.00
TXM	32.00	9.59%	0.14	0.00
VLA	11.80	8.26%	0.03	0.10
CET	14.80	8.03%	0.02	0.00
NBW	7.20	7.46%	0.01	0.00

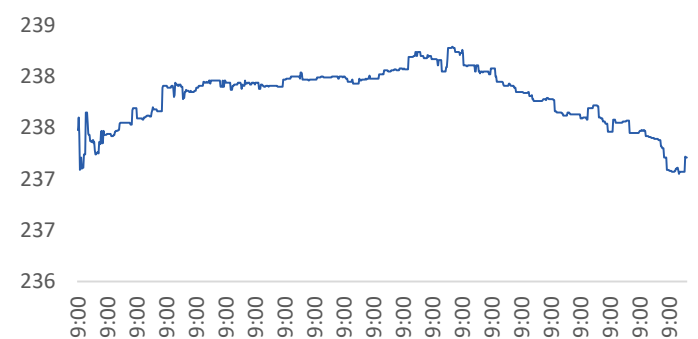
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GDW	32.60	-9.94%	-0.12	0.00
ARM	36.90	-9.78%	-0.04	0.00
KHS	11.10	-9.76%	-0.05	0.00
THS	13.00	-9.72%	-0.01	0.00
DC2	8.00	-9.09%	-0.02	0.00

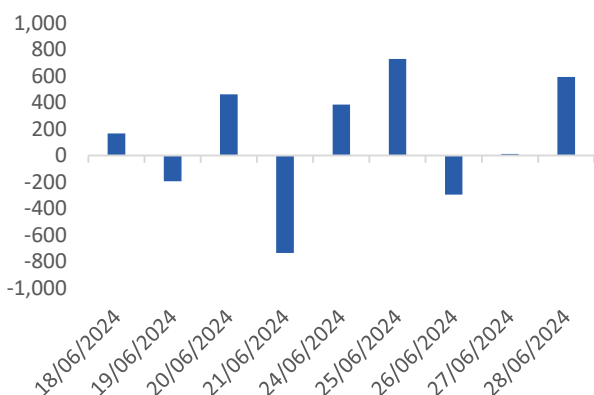
Hình 1
HSX-Index Intraday



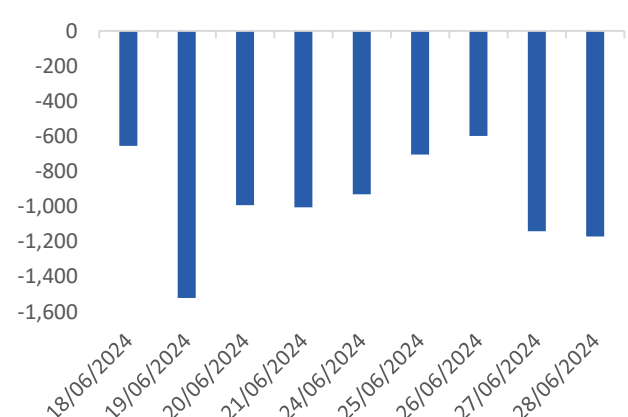
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	86.1	1.10%	0.6	18,905	4.0	5,838	14.7	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	43.9	1.50%	1.1	9,831	2.1	3,841	11.4	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	1.90%	1.0	5,922	12.3	1,397	13.6	-	26.8%	Link
TCB	Ngân hàng	22.6	-3.00%	1.1	6,269	8.0	5,600	4.0	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	1.10%	1.0	4,680	3.6	3,818	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.3	1.70%	1.0	2,170	6.0	4,206	7.0	-	23.1%	Link
CTG	Ngân hàng	32.0	3.20%	1.2	6,751	4.9	3,751	8.5	-	26.2%	Link
ACB	Ngân hàng	23.8	0.00%	0.8	4,176	3.7	4,072	5.8	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	33.9	-0.10%	1.2	2,010	10.6	1,704	19.9	-	42.9%	Link
IDC	Xây dựng	60.1	0.70%	1.2	779	1.7	5,880	10.2	65,700	24.2%	Link
HPG	VLXD	28.4	0.20%	1.2	7,124	15.1	1,601	17.7	41,500	24.6%	Link
HSG	VLXD	24.4	2.10%	1.7	590	8.7	1,423	17.1	25,300	21.0%	Link
VHM	BDS	37.7	0.10%	1.0	6,449	6.7	5,074	7.4	108,300	16.1%	Link
KDH	BDS	37.0	0.30%	1.4	1,162	1.8	726	51.0	44,500	39.4%	Link
NLG	BDS	41.8	1.00%	1.4	632	2.0	1,040	40.2	-	48.2%	Link
DGC	Hóa chất	122.0	-0.40%	1.4	1,820	13.5	7,845	15.6	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	36.6	1.70%	1.3	761	2.6	2,313	15.8	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	77.7	1.40%	0.6	7,011	2.4	4,688	16.6	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	41.0	1.00%	1.0	770	3.5	1,992	20.6	57,000	21.0%	Link
PVD	Dầu khí	29.4	2.10%	1.3	642	2.0	1,200	24.5	38,400	16.5%	Link
POW	Dầu khí	14.6	-2.30%	0.7	1,339	5.8	350	41.6	17,100	4.3%	Link
VHC	Thủy sản	71.3	1.70%	1.2	629	1.8	3,774	18.9	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	82.0	-1.20%	0.9	1,000	3.8	8,430	9.7	90,400	47.6%	Link
VNM	Bán lẻ	66.0	0.80%	0.6	5,419	5.0	4,408	15.0	93,100	50.0%	Link
MSN	Bán lẻ	76.0	1.70%	1.3	4,517	8.8	215	352.9	110,000	29.0%	Link
MWG	Bán lẻ	65.8	5.40%	1.4	3,780	56.3	717	91.7	-	47.3%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.0	-1.60%	1.0	1,236	1.8	5,860	16.0	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	62.9	2.80%	1.8	413	4.0	2,200	28.6	66,600	23.9%	Link
FPT	Bán lẻ	128.6	-1.50%	1.0	7,378	32.2	5,335	24.1	107,900	46.2%	Link
CTR	Hạ tầng	143.6	2.10%	1.2	645	2.0	4,582	31.3	-	10.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.1	0.40%	0.9	2,643	5.0	3,809	6.1	1.5	17.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.2	1.00%	1.2	2,113	1.8	3,315	6.4	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.4	0.90%	1.2	1,501	1.6	2,050	8.5	1.1	28.2%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.5	1.40%	1.2	1,139	2.2	2,310	6.3	0.9	29.2%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.5	-2.10%	1.0	1,265	1.8	1,147	16.1	1.4	3.0%	10.1%
HCM	Chứng khoán	26.6	1.50%	1.6	736	4.5	1,175	22.6	2.2	45.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.2	2.30%	1.7	818	5.1	1,409	33.5	2.5	18.9%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.1	0.30%	1.5	963	6.4	2,057	7.8	1.1	13.0%	13.1%
BSI	Chứng khoán	52.0	2.40%	1.8	414	0.7	2,208	23.5	2.2	39.8%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.1	1.80%	1.7	546	3.2	1,076	15.9	1.3	9.4%	5.7%
CTD	Xây dựng	71.2	1.60%	1.2	280	1.1	2,709	26.3	0.8	46.8%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.3	0.80%	1.5	199	0.7	833	14.8	0.6	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.3	2.70%	1.6	86	0.4	655	17.3	0.9	2.2%	4.6%
SZC	Xây dựng	39.0	0.60%	1.2	276	0.9	1,515	25.8	2.4	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	90.2	1.30%	1.4	644	0.4	5,701	15.8	4.3	1.5%	26.9%
PHR	BĐS KCN	60.5	-0.20%	1.1	322	0.2	3,448	17.5	2.2	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	26.9	1.30%	1.8	644	6.2	(38)	-700.7	2.2	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	16.7	1.20%	1.3	338	1.3	312	53.6	1.5	4.7%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.0	-0.20%	1.5	873	2.0	1,262	22.9	1.2	20.5%	11.7%
VGC	BĐS KCN	52.5	0.80%	1.2	925	0.4	2,746	19.1	2.9	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	34.3	0.30%	1.5	5,390	4.4	628	54.6	2.7	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	24.0	1.70%	1.6	248	3.1	1,222	19.6	1.1	14.9%	2.3%
BMP	Vật liệu	99.0	-1.00%	1.0	318	0.9	11,594	8.5	2.8	83.5%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.8	1.70%	1.5	220	0.4	865	17.1	1.2	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	16.0	-0.30%	1.8	452	1.6	420	38.0	1.1	19.3%	1.1%
VRE	Bất động sản	21.8	6.80%	1.2	1,950	11.8	1,966	11.1	1.3	25.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	24.0	1.30%	1.7	823	1.9	964	24.9	1.9	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	26.9	1.30%	1.8	644	6.2	(38)	-700.7	2.2	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.0	0.00%	1.4	596	2.0	73	232.7	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.9	1.00%	1.4	-	0.3	433	22.9	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	27.6	-59.90%	1.6	48	1.5	4,370	6.3	0.9	4.0%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.2	2.80%	1.1	127	0.2	3,461	11.6	1.7	40.0%	17.2%
DRC	Cao su	34.2	0.40%	0.8	160	2.4	2,286	15.0	2.1	13.3%	13.2%
PC1	Điện	29.6	3.00%	1.3	362	3.5	651	45.5	1.8	10.1%	4.1%
HDG	BĐS	28.9	2.70%	1.3	382	5.3	2,061	14.0	1.4	15.9%	12.9%
GEX	Điện	22.2	0.70%	1.7	744	4.4	625	35.6	1.5	8.9%	4.1%
QTP	Điện	16.6	-0.60%	0.6	-	0.7	1,549	10.7	1.4	1.3%	10.8%
PLX	O&G	40.8	-0.20%	1.0	2,036	1.1	2,570	15.9	1.9	17.7%	10.7%
BSR	O&G	22.1	1.80%	1.2	-	6.7	2,588	8.5	1.2	0.7%	15.6%
PLC	O&G	27.4	3.40%	1.5	87	0.2	1,112	24.7	1.7	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	32.8	1.60%	1.4	171	0.9	(252)	-129.7	1.5	0.8%	1.5%
PTB	Gỗ	71.8	1.00%	0.7	189	0.8	4,765	15.1	1.8	24.9%	10.6%
VSC	Logistics	21.8	-0.90%	1.4	228	2.3	532	40.9	2.0	2.8%	6.2%
HAH	Logistics	45.4	0.30%	1.3	216	8.0	3,081	14.7	1.8	11.2%	12.1%
VTP	Logistics	83.7	0.80%	1.5	400	4.3	2,980	28.1	6.2	7.4%	25.6%
DBC	Logistics	34.5	1.50%	1.8	328	4.8	1,729	20.0	1.8	11.8%	0.5%
FRT	Bán lẻ	177.2	0.10%	0.8	948	4.3	(2,215)	-80.0	14.3	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.9	1.80%	0.6	-	0.9	6,737	7.4	2.0	15.1%	27.3%
TNG	Dệt may	27.5	5.80%	1.2	123	6.1	1,981	13.9	1.8	18.9%	12.5%
PVT	O&G	29.5	3.10%	1.0	413	2.8	3,150	9.4	1.3	14.2%	14.3%
DPM	Phân bón	36.2	0.30%	1.3	556	1.8	1,372	26.4	1.2	8.5%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639